TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2025
Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hoa Kiều

2/ Ông Trương Hoàng Hoa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2025/TLST-KDTM ngày 25/6/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 334/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: B bis N, phường B, Quận A, TP .

Người đại diện theo uỷ quyền : Bà Nguyễn Thị Đại T - Địa chỉ: F P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy uỷ quyền số 121/2025/UQ-HDB ngày 12/5/2025) (có mặt)

- Bị đơn : Ông Trần Nguyễn Bình H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2025 của Ngân hàng TMCP P và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Nguyễn Bình H có vay của Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là ngân hàng) số tiền 2.900.000.000 (hai tỷ chín trăm triệu) đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024, thỏa thuận: Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vải-quần áo; Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 31/01/2024 đến ngày 30/01/2025; Lãi suất vay trong hạn là 7,8%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu, sau thời hạn này lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần hoặc theo quy định/quyết định của ngân hàng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm và có thể được H2 điều chỉnh theo quy định của H2 trên cơ sở phù hợp với quy định của N trong từng thời kỳ; Phương thức trả nợ gốc khi hết thời hạn vay, trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, bắt đầu từ ngày 25/02/2024.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 3373/24MN/HĐBĐ ngày 29/01/2024 là quyền sử dụng đất thửa đất số 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05478 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 11/6/2018 (ngày 22/01/2024 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Bình H). Ngân hàng hiện đang giữ

bản chính giấy chứng nhận vừa nêu, và thông báo nộp lệ phí trước bạ, thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân, giấy nộp thuế.

Ngày 30/01/2024 ông H đã nhận đủ số tiền vay 2.900.000.000 (hai tỷ chín trăm triệu) đồng nêu trên. Sau khi vay, ông H đã trả được 129.714.520 đồng tiền lãi trong hạn và 60.715 đồng lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi. Từ ngày 28/8/2024 ông H đã ngưng thanh toán cho đến nay là đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán được qui định trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ nhưng ông H vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay yêu cầu ông Trần Nguyễn Bình H thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P tiền nợ vay là 3.355.338.811 đồng (trong đó: nợ gốc 2.900.000.000 đồng; lãi trong hạn 100.950.687 đồng; lãi quá hạn 346.093.151 đồng; lãi do chậm trả lãi trong hạn là 8.335.280đồng), trả toàn bộ ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024, trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, để ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để trả hết nợ cho Ngân hàng thì ông H sẽ phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nợ theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024

- Ông Trần Nguyễn Bình H không đến Tòa án để tự khai, không tham gia phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Trần Nguyễn Bình H thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P tiền nợ vay là 3.355.338.811 đồng (trong đó: nợ gốc 2.900.000.000 đồng; lãi trong hạn 100.950.687 đồng; lãi quá hạn 346.093.151 đồng; lãi do chậm trả lãi trong hạn là 8.335.280đồng), trả toàn bộ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng, tính từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, để ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cùng ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là Ngân hàng) nộp đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2025 yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với ông Trần Nguyễn Bình H cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp) do đó đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2

Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Xét ông Trần Nguyễn Bình H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Nguyễn Bình H.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án đã niêm yết hợp lệ cho ông Trần Nguyễn Bình H thông báo thụ lý số 11/TB-TLVA ngày 25/6/2025 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H yêu cầu ông Trần Nguyễn Bình H trả tiền vay còn nợ. Phía ông Trần Nguyễn Bình H không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông Trần Nguyễn Bình H đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024, cho thấy: Giao dịch giữa Ngân hàng TMCP P và ông Trần Nguyễn Bình H1 là "Hợp đồng vay tài sản" với có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Số tiền ông Trần Nguyễn Bình H có vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 2.900.000.000 (hai tỷ chín trăm triệu) đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vải-quần áo; Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 31/01/2024 đến ngày 30/01/2025; Lãi suất vay trong hạn là 7,8%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu, sau thời hạn này lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần hoặc theo quy định/quyết định của ngân hàng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm và có thể được H2 điều chỉnh theo quy định của H2 trên cơ sở phù hợp với quy định của N trong từng thời kỳ; Phương thức trả nợ gốc khi hết thời hạn vay, trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, bắt đầu từ ngày 25/02/2024.

Theo Giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/01/2024, ông H đã nhận tiền vay là 2.900.000.000đồng.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Sau khi vay, ông H đã trả được 129.714.520 đồng tiền lãi trong hạn và 60.715 đồng lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi. Từ ngày 28/8/2024 ông H đã ngưng thanh toán cho đến nay.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng số hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và điểm 3 mục I Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024. Do đó, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 4 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ gốc và lãi, như sau:

- Về số tiền nợ gốc: Do ông H chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng, nên phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ vay gốc là 2.900.000.000đồng.

- Về số tiền lãi: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất vay thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông H tại Điều 2 Hợp tín dụng số hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và điểm d mục I Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày xét xử (tức ngày 30/9/2025) gồm:

+ Lãi trong hạn là 100.950.687 đồng; lãi quá hạn là 346.093.151 đồng; lãi do chậm trả lãi trong hạn là 8.335.280đồng.

Tổng số tiền ông H phải trả cho Ngân hàng là: 3.355.338.811 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Căn cứ khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự do các bên thỏa thuận, nên ông H1 phải thực hiện việc thanh toán nợ vay theo thỏa thuận, nhưng ông H đã ngưng thanh toán nợ từ ngày 28/8/2024 cho đến nay và đã

quá thời hạn thanh toán. Vì vậy, ông H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 3.355.338.811 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông H còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên, trên dư nợ gốc chưa trả tính từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Về tài sản bảo đảm: Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng số hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 Ngân hàng và ông H thỏa thuận bảo đảm tiền vay bằng tài sản với hình thức thế chấp và theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 3373/24MN/HĐBĐ ngày 29/01/2024 thì tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả tiền vay nêu trên là quyền sử dụng đất thửa đất số 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05478 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 11/6/2018 (ngày 22/01/2024 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Bình H). Việc thế chấp tài sản này đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 29/01/2024. Như vậy, việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng theo qui định tại Điều 298, Điều 317, Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 56 và Điều 59 Nghị định 163/2006/ NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và thỏa thuận tại Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 3373/24MN/HĐBĐ ngày 29/01/2024, Ngân hàng yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP P đã tạm ứng 3.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Ông Trần Nguyễn Bình H có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P, nên căn cứ Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự ông H phải chịu chi phí tố tụng vừa nêu, nên có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP P 3.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng TMCP P đã tạm ứng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Ông H phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 99.106.776 đồng.

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.394.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008502 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

[5]. Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 303, Điều 317, Điều 466, Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP P:

Buộc ông Trần Nguyễn Bình H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024 là 3.355.338.811 (ba tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ba mươi tám ngàn tám trăm mười một)

đồng, (trong đó nợ gốc là 2.900.000.000 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 100.950.687 đồng lãi trong hạn, 346.093.151 đồng lãi quá hạn, 8.335.280đồng lãi do chậm trả lãi trong hạn). Thời hạn trả toàn bộ số tiền nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông Trần Nguyễn Bình H còn phải trả cho Ngân hàng TMCP P tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số hạn mức số 4112/24MN/HĐTD ngày 29/01/2024 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4112/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/01/2024, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ.

3. Sau khi được trả hết số nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP P có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Nguyễn Bình H bản chính các giấy tờ liên quan quyền sử dụng đất tại thửa đất 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05478 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 11/6/2018 (ngày 22/01/2024 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Bình H); Thông báo ngày 18/01/2024 về nộp lệ phí trước bạ nhà đất; Thông báo ngày 18/01/2024 về nộp thuế thụ nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản; 02 Giấy nộp tiền thuế ngày 19/01/2024.

4. Trường hợp ông Trần Nguyễn Bình H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3373/24MN/HĐBĐ ngày 29/01/2024 có số công chứng 001063 do Văn phòng C chứng nhận) là toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất số 117 tờ bản đồ số 67 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05478 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 11/6/2018 - ngày 22/01/2024 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Bình H)), để ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P thì ông Trần Nguyễn Bình H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền nợ vay cho Ngân hàng TMCP P cho đến khi hết nợ.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Nguyễn Bình H trả lại cho Ngân hàng TMCP P 3.000.000đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng TMCP P đã tạm ứng.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Trần Nguyễn Bình H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 99.106.776 (chín mươi chín triệu một trăm lẽ sáu ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tạm ứng án phí đã nộp là 47.394.000 (bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008502 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

7. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Ông Trần Nguyễn Bình H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa